

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên
Ông Vương Quốc Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Lại Thế Vĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hiền	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Vương Quốc Huy	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2025)
Bà Bùi Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/11/2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Công	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Lại Thế Vĩnh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Nguyễn Văn Đức	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Dương Văn Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/03/2025)

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Lan Hương	Bổ nhiệm ngày 15/03/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Công
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Số: 576/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19/05/2026, từ trang 06 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được xác nhận cho số dư tại ngày 31/12/2025 của một số khoản mục được trình bày trên báo cáo tài chính như sau: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; Phải thu khác trị giá khoảng 1,78 tỷ đồng; Phải thu khách hàng trị giá khoảng 6,4 tỷ đồng; Người mua trả trước trị giá khoảng 34,96 tỷ đồng; Phải trả cho người bán trị giá khoảng 363 triệu đồng; Trả trước cho người bán trị giá khoảng 2,3 tỷ đồng; Phải trả khác trị giá khoảng 9 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu với giá trị là 56,25 tỷ đồng (chúng tôi chưa được cung cấp danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2025 và cập nhật đến ngày lập báo cáo này). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này và cũng không thể đánh giá được các ảnh hưởng liên quan đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.2 về các khoản đầu tư tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính 100% giá gốc đối với các khoản đầu tư này. Chúng tôi chưa được cung cấp tài liệu về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư. Ngoài ra chúng tôi cũng không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thay thế để có đủ cơ sở đưa ra ý kiến về các khoản đầu tư này, theo đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đúng đắn về giá trị các khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13, khoản phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank), nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với số tiền 9,047 tỷ đồng là khoản nợ vay từ nhiều năm trước. Năm 2021, SHB đã khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, tuy nhiên đến ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân đã ban hành quyết định số 03/2013/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do “Người khởi kiện rút đơn kiện và được Tòa án chấp nhận”. Tranh chấp này đã được đình chỉ giải quyết khoảng 10 năm, tại ngày 31/12/2025, Công ty vẫn hạch toán là khoản phải trả và chưa có quyết định hay phê duyệt nào về khoản phải trả này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 và V.14 về khoản lãi và gốc vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, tại ngày 31/12/2025 nợ gốc vay và lãi vay phải trả lần lượt là 10,404 tỷ đồng và 24,160 tỷ đồng; toàn bộ số nợ gốc và lãi vay này đều đã quá hạn thanh toán, bao gồm: nợ gốc quá hạn là 10,404 tỷ đồng, nợ lãi quá hạn là 24,160 tỷ đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo, chúng tôi chưa nhận được văn bản thỏa thuận nào về việc chấp thuận gia hạn thanh toán từ Ngân hàng và chưa đánh giá được liệu có các sự kiện về kiện tụng tiềm tàng có liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4, Công ty đã tạm ứng cho nhân viên số tiền 2,2 tỷ đồng để thực hiện nghiên cứu và đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nuông Dăm. Tại ngày lập báo cáo này, dự án chưa được chấp thuận bởi Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình (cũ) về việc bổ sung quy hoạch. Ngoài ra, Nghị quyết đầu tư dự án này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty còn có khoản tạm ứng cho bà Nguyễn Thị Thanh Huyền với số tiền 3,1 tỷ đồng bằng tiền mặt để thực hiện công tác sửa chữa, thi công phục vụ hoạt động của Nhà trường. Đến thời điểm kiểm toán, khoản tạm ứng này vẫn chưa được quyết toán và Công ty chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh việc sử dụng số tiền đã tạm ứng. Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện không giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu, tính chính xác, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của khoản tạm ứng nêu trên.

Công ty đã hạch toán một số chi phí nhiên liệu xe ô tô phát sinh trong năm 2024 vào chi phí của năm 2025, khoản chi phí này của các khóa đào tạo chưa hoàn thành trong năm 2024 và sẽ tiếp tục thực hiện hoàn thành trong năm 2025. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định được khoản chi phí này, do đó không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu của các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 liên quan đến các khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán, lỗ trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản phải trả hay không.

Công ty hạch toán toàn bộ chi phí thuê xe phục vụ đào tạo phát sinh trong năm vào Giá vốn của năm tài chính 2025 mà chưa xác định chi phí dở dang tương ứng với phần doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo chưa được ghi nhận. Với tài liệu, chứng từ hiện có, chúng tôi không thể xác định được khoản chi phí dở dang này tại ngày 31/12/2025 nên không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Giá vốn trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên Bảng cân đối kế toán hay không.

Năm 2025 Công ty không trích khấu hao đối với một số tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ hoạt động sản xuất viên gỗ nén do hoạt động sản xuất đã ngừng. Các TSCĐ này chưa hết khấu hao, vẫn thuộc sở hữu của Công ty, được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty nên vẫn phải trích khấu hao theo quy định. Việc không trích khấu hao đối với các TSCĐ này dẫn đến ghi nhận chi phí của Công ty thấp hơn thực tế 771,83 triệu đồng, theo đó chỉ tiêu Chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và khoản lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 của Công ty giảm với giá trị tương ứng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2025, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn với giá trị 47.239.077.774 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến 31/12/2025 là 74.158.544.566 đồng, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc hoạt động có lãi trong tương lai và hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh trên. .



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Trần Xuân Thường

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5801-2023-112-1

601
NG
PH
VÀ PH
G LƯ
TN
ẤY

Mẫu B01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.280.820.201	16.721.231.301
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.528.453.142	7.464.032.692
Tiền	111		7.528.453.142	7.464.032.692
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.181.686.169	7.311.793.302
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.449.862.601	6.687.776.047
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.309.926.125	448.299.216
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	27.003.806.587	7.747.149.183
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.581.909.144)	(7.571.431.144)
Hàng tồn kho	140	V.6	1.025.275.992	924.445.481
Hàng tồn kho	141		1.146.106.724	1.045.276.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(120.830.732)	(120.830.732)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.545.404.898	1.020.959.826
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	555.980.830	14.884.997
Thuế GTGT được khấu trừ	152		979.735.248	996.386.009
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	9.688.820	9.688.820
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.534.638.693	33.074.377.978
Tài sản cố định	220		32.715.640.200	31.564.037.205
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.210.390.155	29.883.931.744
- Nguyên giá	222		85.047.198.578	80.672.215.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.836.808.423)	(50.788.284.018)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.505.250.045	1.680.105.461
- Nguyên giá	228		4.882.492.842	4.882.492.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.377.242.797)	(3.202.387.381)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.126.131.763	3.126.131.763
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.626.131.763)	(3.626.131.763)
Tài sản dài hạn khác	260		5.818.998.493	1.510.340.773
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	5.818.998.493	1.510.340.773
TỔNG TÀI SẢN	270		76.815.458.894	49.795.609.279

Mẫu B01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		85.519.897.975	64.149.954.002
Nợ ngắn hạn	310		85.519.897.975	64.149.954.002
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	363.393.526	461.428.488
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	34.964.435.000	11.752.455.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	867.825.559	949.685.693
Phải trả người lao động	314		4.843.729.048	4.603.537.247
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	33.998.631.531	33.400.964.263
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	10.404.600.720	12.904.600.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.282.591	77.282.591
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	(8.704.439.081)	(14.354.344.723)
Vốn chủ sở hữu	410		(8.704.439.081)	(14.354.344.723)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.250.000.000	56.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.250.000.000	56.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.922.401.000	8.922.401.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		204.421.894	204.421.894
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.282.591	77.282.591
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74.158.544.566)	(79.808.450.208)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(79.808.450.208)	(85.616.645.360)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.649.905.642	5.808.195.152
TỔNG NGUỒN VỐN	440		76.815.458.894	49.795.609.279

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Vũ Thị Trang

Phạm Thị Lan Hương

Nguyễn Đình Công

Mẫu B02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết số	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	140.520.221.714	70.565.828.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		140.520.221.714	70.565.828.494
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117.559.594.202	64.066.288.104
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.960.627.512	6.499.540.390
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.567.045	68.635.704
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.532.852.744	2.315.876.449
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.532.852.744	2.315.876.449
Chi phí bán hàng	25		42.375.810	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.827.603.294	9.139.270.193
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.568.362.709	(4.886.970.548)
Thu nhập khác	31	VI.7	503.998.565	10.763.102.936
Chi phí khác	32	VI.8	422.455.632	67.937.236
Lợi nhuận khác	40		81.542.933	10.695.165.700
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.649.905.642	5.808.195.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.649.905.642	5.808.195.152
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.004	1.033

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Trang

Phạm Thị Lan Hương



Nguyễn Đình Công

Mẫu B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.649.905.642	5.808.195.152
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.223.379.821	2.614.095.633
Các khoản dự phòng	03		10.478.000	120.830.732
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(10.567.045)	(68.635.704)
Chi phí lãi vay	06		1.532.852.744	2.315.876.449
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.406.049.162	10.790.362.262
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		(20.863.720.106)	2.784.134.265
Giảm, (Tăng) hàng tồn kho	10		(100.830.511)	(695.004.770)
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.393.069.223	3.315.092.742
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12		(4.849.753.553)	(534.103.396)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.532.852.744)	(2.315.876.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.451.961.471	13.344.604.654
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.898.108.066)	(2.454.021.273)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.567.045	68.635.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.887.541.021)	(2.385.385.569)

Mẫu B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.500.000.000)	(5.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.500.000.000)	(5.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		64.420.450	5.109.219.085
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.464.032.692	2.354.813.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.528.453.142	7.464.032.692

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Lan Hương

Giám đốc



Nguyễn Đình Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam, (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 ngày 28/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Hiện Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101601945, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29/11/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 2, ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.250.000.000 đồng, tương đương 5.625.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 209 người (tại ngày 31/12/2024 là 325 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và cơ sở vật chất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Đào tạo trung cấp; Giáo dục sơ cấp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Cửa xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 01 đơn vị hoạt động độc lập, hạch toán phụ thuộc là Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình, địa chỉ tại Xóm Bến Cuối, Xã Liên Sơn, Tỉnh Phú Thọ. Hoạt động chính của Trường là đào tạo nghề.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và hoàn toàn có thể so sánh được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 200) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)*****Loại tài sản******Thời gian sử dụng (năm)***

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị văn phòng
- Tài sản cố định khác

05 - 47
04 - 15
06 - 10
03 - 06
10

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 (Thông tư 45) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 (Thông tư 147) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147 của Bộ Tài chính.

8. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất có thời hạn***

Nguyên giá quyền sử dụng đất có thời hạn là những chi phí liên quan như tiền thuê đất trả trước/chi phí đền bù, giải phóng, cải tạo mặt bằng, chi phí tư vấn pháp lý và/hoặc giá trị lô đất được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất/thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01/01/2018.

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 - 10 năm.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm tài chính, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

12. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng (VAT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế Giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

19. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ đào tạo trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.724.670.538	504.583.422
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.803.782.604	6.959.449.270
Cộng	7.528.453.142	7.464.032.692

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 2, ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.126.131.763	(3.126.131.763)		3.126.131.763	(3.126.131.763)	
Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	3.126.131.763	(3.126.131.763)	(*)	3.126.131.763	(3.126.131.763)	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	(500.000.000)		500.000.000	(500.000.000)	
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân Trí Việt Nam	500.000.000	(500.000.000)	(*)	500.000.000	(500.000.000)	(*)
Cộng	3.626.131.763	(3.626.131.763)	-	3.626.131.763	(3.626.131.763)	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin về Công ty đầu tư:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	30,00%	30,00%	Tạm dừng hoạt động
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân Trí Việt Nam	Thành phố Hà Nội	11,00%	11,00%	Giáo dục, đào tạo; tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan	5.405.106.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	43.200.000	43.200.000
Phải thu khách hàng là bên khác	1.044.756.220	1.325.869.666
- Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình	-	547.759.946
- Công ty Cổ phần Cavico xây dựng Cầu Hàm	270.534.670	270.534.670
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dương Lâm	78.347.650	78.347.650
- Các đối tượng khác	695.873.900	429.227.400
Cộng	6.449.862.601	6.687.776.047

160
ÔNG
Ổ PH
VÀ PH
NG LL
ỆTT
YẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan	4.324.493.000	-	3.124.493.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	-	14.493.000	-
- Nguyễn Đình Công	1.200.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.110.000.000	-	3.110.000.000	-
Phải thu ngắn hạn là các bên khác	22.679.313.587	-	4.622.656.183	-
- Bảo hiểm xã hội	236.931	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	3.240.935.000	-	229.409.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Hòa Phú	2.700.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	540.935.000	-	229.409.000	-
- Tạm ứng	17.657.813.943	-	2.584.199.753	-
+ Vũ Thị Trang	2.204.450.000	-	2.230.000.000	-
+ Nguyễn Xuân Đức	645.929.370	-	-	-
+ Lê Đình Diệp	461.956.150	-	-	-
+ Bùi Thị Thu	395.121.944	-	-	-
+ Nguyễn Thị Tú	155.878.451	-	195.281.451	-
+ Các đối tượng khác	13.794.478.028	-	158.918.302	-
- Phải thu khác	1.780.327.713	-	1.809.047.430	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	730.195.667	-	730.195.667	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt	690.900.000	-	690.900.000	-
+ Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge	81.754.728	-	81.754.728	-
+ Các đối tượng khác	177.477.318	-	206.197.035	-
Cộng	27.003.806.587	-	7.747.149.183	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025				01/01/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
- Công ty CP Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	Trên 10 năm	5.361.906.381	-	Trên 10 năm	5.361.906.381	-		
- Công ty CP Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu	Trên 10 năm	730.195.667	-	Trên 10 năm	730.195.667	7.554.000		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ cơ khí Việt	Trên 10 năm	690.900.000	-	Trên 10 năm	690.900.000	-		
- Công ty CP Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 10 năm	270.534.670	-	Trên 10 năm	270.534.670	-		
- Công ty CP Xi măng Mai Sơn	Trên 10 năm	100.000.000	-	Trên 10 năm	100.000.000	-		
- Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge	Trên 10 năm	81.754.728	-	Trên 10 năm	81.754.728	-		
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dương Lâm	Trên 10 năm	78.347.650	-	Trên 10 năm	78.347.650	-		
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Nhật Sơn	Trên 10 năm	69.750.000	-	Trên 10 năm	69.750.000	-		
- Nguyễn Hồng Hạnh	Từ 1 - 2 năm	3.148.000	1.574.000	Dưới 1 năm	3.148.000	3.148.000		
- Cán bộ nhân viên khác	Từ 1 - 2 năm	2.700.000	1.350.000	Dưới 1 năm	2.700.000	2.700.000		
- Các đối tượng khác	Trên 10 năm	198.888.218	3.292.170	Trên 10 năm	198.888.218	3.292.170		
Cộng		7.588.125.314	6.216.170		7.588.125.314	16.694.170		

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025				01/01/2025			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
- Nguyên liệu, vật liệu	20.251.706	-	22.350.119	-				
- Công cụ, dụng cụ	376.455.762	(120.830.732)	1.022.926.094	(120.830.732)				
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	749.399.256	-	-	-				
Cộng	1.146.106.724	(120.830.732)	1.045.276.213	(120.830.732)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	555.980.830	14.884.997
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	342.763.980	14.884.997
- Các khoản khác	213.216.850	-
Dài hạn	5.818.998.493	1.510.340.773
- Chi phí sửa chữa lớn	1.759.867.630	694.840.276
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	468.268.100	803.500.497
- Chi phí thuê văn phòng	3.500.000.000	-
- Các khoản khác	90.862.763	12.000.000
Cộng	6.374.979.323	1.525.225.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải,	Thiết bị dùng cụ	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	51.198.462.557	13.936.565.381	11.917.919.814	582.469.909	3.036.798.101	80.672.215.762
- Tăng do mua sắm	-	1.553.108.066	-	-	345.000.000	1.898.108.066
- Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.476.874.750	-	-	-	-	2.476.874.750
31/12/2025	53.675.337.307	15.489.673.447	11.917.919.814	582.469.909	3.381.798.101	85.047.198.578
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(29.149.515.825)	(7.549.301.300)	(10.736.871.502)	(484.362.374)	(2.868.233.017)	(50.788.284.018)
- Khấu hao trong năm	(2.002.846.922)	(665.707.187)	(279.483.084)	(24.249.828)	(76.237.384)	(3.048.524.405)
31/12/2025	(31.152.362.747)	(8.215.008.487)	(11.016.354.586)	(508.612.202)	(2.944.470.401)	(53.836.808.423)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	22.048.946.732	6.387.264.081	1.181.048.312	98.107.535	168.565.084	29.883.931.744
31/12/2025	22.522.974.560	7.274.664.960	901.565.228	73.857.707	437.327.700	31.210.390.155

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025: 20.584.384.054 đồng (Tại 31/12/2024 là: 20,5 tỷ đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025: 16.756.074.481 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là: 16,5 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Website VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	2.198.712.842	50.000.000	2.633.780.000	4.882.492.842
- Mua trong năm	-	-	-	-
31/12/2025	2.198.712.842	50.000.000	2.633.780.000	4.882.492.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2025	(710.189.169)	(50.000.000)	(2.442.198.212)	(3.202.387.381)
- Khấu hao trong năm	(43.974.252)	-	(130.881.164)	(174.855.416)
31/12/2025	(754.163.421)	(50.000.000)	(2.573.079.376)	(3.377.242.797)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	1.488.523.673	-	191.581.788	1.680.105.461
31/12/2025	1.444.549.421	-	60.700.624	1.505.250.045

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025: 1.667.100.000 đồng (Tại 31/12/2024 là: 1,667 tỷ đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025: 1.414.505.304 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là: 1,451 tỷ đồng)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Số 2, ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	363.393.526	363.393.526	461.428.488	461.428.488
- Công ty TNHH Công nghệ xây dựng Hoàng Minh	-	-	85.815.416	85.815.416
- Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và xây dựng Việt Nam	65.636.000	65.636.000	65.636.000	65.636.000
- Đàm Khắc Thái	165.000.000	165.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thành Sơn	59.750.911	59.750.911	-	-
- Trung tâm Đào tạo, sát hạch lái xe - Chi nhánh Hòa Bình	-	-	47.794.032	47.794.032
- Trung tâm Đào tạo lái xe Moto hạng A1	-	-	36.703.656	36.703.656
- Đặng Song Hào	-	-	40.947.140	40.947.140
- Công ty TNHH MTV Thương mại Gia Nguyễn Vũ	-	-	74.517.840	74.517.840
- Vũ Quý An	33.113.000	33.113.000	88.204.404	88.204.404
- Các đối tượng khác	39.893.615	39.893.615	21.810.000	21.810.000
Cộng	363.393.526	363.393.526	461.428.488	461.428.488

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm dạy nghề Ban chỉ huy Quân sự tỉnh Hòa Bình	-	-	18.140.000	18.140.000
- Công ty cổ phần Nafoods Tây Bắc	-	-	14.750.000	14.750.000
- Học viên cá nhân	34.964.435.000	34.964.435.000	11.719.565.000	11.719.565.000
Cộng	34.964.435.000	34.964.435.000	11.752.455.000	11.752.455.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế Giá trị gia tăng	80.574.716	926.486.682	801.921.268	205.140.130
- Thuế thu nhập cá nhân	869.110.977	3.703.508.152	3.978.633.700	662.685.429
Cộng	949.685.693	4.629.994.834	4.780.554.968	867.825.559

	01/01/2025	Số đã thực thu trong năm	Số phải thu trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.688.820	-	-	9.688.820
Cộng	9.688.820	-	-	9.688.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	658.424.935	528.150.624
- Bảo hiểm xã hội	-	9.884.160
- Bảo hiểm y tế	1.389.960	263.250
- Bảo hiểm thất nghiệp	617.760	217.152
- Phải trả khác	33.338.198.876	32.862.449.077
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	24.160.228.202	23.727.375.458
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	9.047.130.811	9.047.130.811
+ Nguyễn Thị Tú	70.232.885	-
+ Các khoản khác	60.606.978	87.942.808
Cộng	33.998.631.531	33.400.964.263

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 2, ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (*)	10.404.600.720	10.404.600.720	-	2.500.000.000	12.904.600.720	12.904.600.720
Cộng	10.404.600.720	10.404.600.720	-	2.500.000.000	12.904.600.720	12.904.600.720

(*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình theo Hợp đồng vay vốn Tín dụng Đầu tư Phát triển của Nhà nước số 19/2007/HĐTD ngày 20/12/2007.

- Hạn mức cho vay là 54.628.656.000 đồng;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Dùng để đầu tư phần xây lắp, thiết bị (không bao gồm VAT) của dự án Trường Trung cấp nghề kinh tế - kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình theo thiết kế kỹ thuật – dự toán được phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thời hạn cho vay là: 10 năm (120 tháng), kể từ ngày bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (thời hạn ân hạn là: 2,5 năm; thời hạn trả nợ gốc là 7,5 năm)
- Lãi suất cho vay: 8,4% năm
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả)
- Tài sản đảm bảo vay: 24 xe ô tô đào tạo các hạng; quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2024	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(85.616.645.360)		(20.162.539.875)	
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		5.808.195.152		5.808.195.152	
31/12/2024	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(79.808.450.208)		(14.354.344.723)	
01/01/2025	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(79.808.450.208)		(14.354.344.723)	
- Lãi trong năm nay	-		-		-		-		5.649.905.642		5.649.905.642	
31/12/2025	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(74.158.544.566)		(8.704.439.081)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.250.000.000	56.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.250.000.000	56.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.625.000	5.625.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu đào tạo lái xe	129.343.670.000	62.316.630.000
- Doanh thu cho thuê cơ sở vật chất	5.729.233.339	4.021.962.084
- Doanh thu cho thuê xe chip	5.447.318.375	4.227.236.410
Cộng	140.520.221.714	70.565.828.494

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn đào tạo lái xe	107.949.613.811	58.609.522.112
- Giá vốn cho thuê cơ sở vật chất	5.081.199.136	3.691.414.062
- Giá vốn dịch vụ cho thuê xe chip	4.528.781.255	1.643.481.198
- Giá vốn khác	-	121.870.732
Cộng	117.559.594.202	64.066.288.104

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	10.567.045	68.635.704
Cộng	10.567.045	68.635.704

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.532.852.744	2.315.876.449
Cộng	1.532.852.744	2.315.876.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	5.853.070.186	4.320.296.629
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	828.540.444	526.868.956
- Chi phí khấu hao TSCĐ	745.087.047	734.403.432
- Thuế, phí, lệ phí	152.550.775	8.371.273
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	10.478.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.394.588.698	1.830.955.032
- Chi phí bằng tiền khác	4.843.288.144	1.718.374.871
Cộng	15.827.603.294	9.139.270.193

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	16.969.493.963	11.026.131.140
- Chi phí nhân công	63.658.896.096	32.434.092.164
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	788.920.343	1.920.284.766
- Khấu hao tài sản cố định	3.148.449.496	2.614.095.633
- Thuế, phí và lệ phí	152.550.775	8.371.273
- Chi phí dự phòng	10.478.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.232.057.744	23.484.208.450
- Chi phí bằng tiền khác	8.468.726.889	1.718.374.871
Cộng	133.429.573.306	73.205.558.297

7. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý xe ô tô	57.090.908	-
- Điều chỉnh công nợ	158.416.316	-
- Hoàn nhập chi phí trích trước	-	467.497.000
- Hoàn nhập chi phí lãi phạt chậm trả	-	10.227.969.572
- Các khoản thu nhập khác	288.491.341	67.636.364
Cộng	503.998.565	10.763.102.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Chi phí khác**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Điều chỉnh công nợ	327.587.954	-
- Các khoản tiền phạt thuế, hành chính	54.787.743	14.974.031
- Chi phí Hóa đơn GTGT không được trừ	24.906.400	-
- Chi phí Xưởng sản xuất gỗ nén ngừng hoạt động	-	39.291.600
- Các khoản chi phí khác	15.173.535	13.671.605
Cộng	422.455.632	67.937.236

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.649.905.642	5.808.195.152
Các khoản chi phí không được trừ	422.455.632	252.650.126
- Chi phí thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	-	144.000.000
- Các khoản phạt thuế và hành chính	54.787.743	14.974.031
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	40.079.935	93.676.095
- Chi phí không được trừ	327.587.954	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.072.361.274	6.060.845.278
Lỗ được chuyển	(6.072.361.274)	(6.060.845.278)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế nhập hoãn lại tương ứng trên Báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh	Thời gian chuyển lỗ	Tình trạng quyết toán	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025	Số lỗ không được chuyển	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31/12/2025
2019	2020-2024	Chưa quyết toán	4.317.337.270	4.317.337.270	-	-
2020	2021-2025	Chưa quyết toán	5.475.006.161	5.475.006.161	-	-
2021	2022-2026	Chưa quyết toán	2.809.625.732	2.347.154.419	-	462.471.313
2023	2024-2028	Chưa quyết toán	8.762.133.453	-	-	8.762.133.453
			21.364.102.616	12.139.497.850	-	9.224.604.766

10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.649.905.642	5.808.195.152
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.625.000	5.625.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.004	1.033

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt		1.358.894.359	1.650.330.527
- Thu nhập và thù lao của Giám đốc		413.127.274	350.350.222
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		826.878.344	1.242.178.522
Ông Nguyễn Thành Quang	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	-	183.333.333
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/05/2024)	-	172.524.000
Ông Lại Thế Vĩnh	Thành viên - Giám đốc (miễn nhiệm từ 15/03/2025)	-	350.350.222
Ông Dương Văn Sơn	Thành viên Phó Giám đốc Kế toán trưởng	-	287.366.523
Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch HĐQT	620.158.344	44.444.444
Ông Nguyễn Văn Đức	Phó giám đốc	206.720.000	204.160.000
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		118.888.741	57.801.783
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	-	57.801.783
Bà Vũ Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	10.000.000	-
Bà Bùi Thị Nhung	Thành viên	108.888.741	113.283.500
- Thu nhập và thù lao của Kế toán trưởng		95.636.500	139.102.564

Giao dịch với các bên liên quan

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ký cược, ký quỹ		1.200.000.000	-
- Nguyễn Đình Công		1.200.000.000	-
Tạm ứng		-	3.130.000.000
- Ông Nguyễn Văn Đức		-	20.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền		-	3.110.000.000
Hoàn ứng		-	20.000.000
- Ông Nguyễn Văn Đức		-	20.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)****Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	1.200.000.000	-
- Nguyễn Đình Công	1.200.000.000	-
Tạm ứng	3.110.000.000	3.110.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.110.000.000	3.110.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư với các bên liên quan khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381
Phải thu ngắn hạn khác	14.493.000	14.493.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	14.493.000

3. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 47.239.077.774 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 74.158.544.566 đồng, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc và việc hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ chủ sở hữu. Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban lãnh đạo Công ty tin rằng chủ sở hữu sẽ không tiếp tục cung cấp các hỗ trợ cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Lan Hương



Giám đốc



Nguyễn Đình Công

